TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Hiền.

2. Ông Lê Hoàng Long.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2023/QĐST ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Hữu T**, sinh năm 1982. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp T H, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn*: Bà **Huỳnh Thị Mai D**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Trú tại: ấp T H, xã T Th, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đỗ Hữu T với bà Huỳnh Thị Mai D tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới xây dựng hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện Thới Lai vào ngày 28/7/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Hữu T1, sinh ngày 01/10/2006. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau nên thường xuyên cải vã, ông cũng đã tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Đến năm 2011

bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, khi đó con của ông bà mới vào học lớp 1, ông nuôi Đỗ Hữu T1 từ đó đến nay. Nay ông yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Mai D.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Hữu T (nam), sinh ngày 01/10/2006. Hiện tại đang sống với ông T, yêu cầu được nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Đỗ Hữu T khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh Thị Mai D nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú ấp T H, xã T Th, huyện Thới Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu T hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện Thới Lai vào ngày 28/7/2010 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét lời trình bày của ông T, do chung sống nhưng cả hai đều không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc nhau. Bà D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu T xét xử của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy bà D không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn T cảm vợ chồng với oogn T. Qua đó thể hiện, mâu thuẫn gia đình anh chị thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay ông T yêu cầu xin ly hôn với bà D là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Hữu T, sinh ngày 01/10/2006. Hiện tại đang sống với ông T, nguyện vọng của cháu cũng muốn

sống với ông T. Vì vậy, giao con ông T nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu T.

Ông Đỗ Hữu T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mai D.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hữu T (nam), sinh ngày 01/10/2006 cho ông Đỗ Hữu T nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà D theo quy định của pháp luật, không ai quyền được cản trở bà D thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Hữu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0005024 ngày 06/3/2023 (ông T đã thực hiện xong).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo; kể từ ngày bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND X. Trường Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Tuấn Kiệt